

Số: /ĐA-UBND

Đông Hà, ngày tháng năm 2024

ĐỀ ÁN

Đặt tên đường, cầu và điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Đông Hà tỉnh Quảng Trị

A. KHÁI QUÁT CHUNG

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Đường, phố, cầu là một bộ phận hợp thành, gắn liền mật thiết với quá trình đô thị hóa của mỗi địa phương. Đối với thành phố Đông Hà - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh Quảng Trị, những năm qua đã và đang được chính quyền thành phố quan tâm lập quy hoạch, đầu tư mở rộng không gian đô thị và phát triển các kết cấu hạ tầng đô thị. Hệ thống các tuyến đường giao thông nội thị thường xuyên được mở mới và nối dài thêm để phát triển quy mô thành phố về các phía. Hệ thống công trình công cộng được xây dựng ngày càng nhiều đã tạo ra diện mạo mới cho một thành phố trẻ đầy năng động, trong đó đặc biệt là các cầu bắc qua sông trong nội thị thành phố và nối với các địa phương trong tỉnh.

Về đường, phố, trên thực tế, tên các đường, phố trên địa bàn thành phố Đông Hà được định danh qua nhiều đợt xét đặt tên; nhưng về cơ bản là bắt đầu từ năm 1992 theo Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992; Quyết định số 736/QĐ-UB ngày 13/7/1996; Quyết định số 897/2002/QĐ-UB ngày 09/5/2002; Quyết định số 1834/QĐ-UB ngày 08/10/2012 và Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 về việc đặt tên, đổi tên, điều chỉnh điểm đầu điểm cuối một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Việc đặt tên các đường, phố, công trình công cộng trong nhiều năm qua đã đạt được những thành công đáng kể, làm cho diện mạo đô thị ngày càng được khởi sắc và hoàn thiện, từng bước khắc phục tình trạng “*nhà không số, phố không tên*”, đáp ứng được yêu cầu của quá trình phát triển đô thị, góp phần thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hóa - xã hội; đồng thời góp phần giáo dục truyền thống lịch sử - văn hóa, khơi dậy tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc cho nhân dân. Tuy nhiên, do những hạn chế từ yếu tố khách quan lẫn chủ quan trong quy hoạch, xây dựng cũng như sự phát triển nhanh chóng của quá trình phát triển đô thị nên đến nay, việc đặt, đổi tên các đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn thành phố Đông Hà chưa theo kịp được nhu cầu phát triển đô thị. Nhiều năm qua, với sự đầu tư xây dựng từ nhiều nguồn làm cho tốc độ đô thị hoá ở Đông Hà phát triển một cách nhanh chóng. Vì thế, nhiều tuyến đường mới đã được mở, được nâng cấp nhưng chậm được đặt tên và điều chỉnh điểm đầu điểm cuối cho phù hợp, gây nên

những khó khăn nhất định trong công tác quản lý hành chính cũng như trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hóa - xã hội của các tổ chức, cá nhân.

Về hệ thống cầu trên địa bàn thành phố hiện nay đã có nhiều cầu đã được đầu tư bắc qua sông thuộc nội thị thành phố hay cầu nối thành phố với các địa phương cận kề trong tỉnh được xây dựng quy mô, có giá trị công năng và thẩm mỹ khi xây dựng xong đưa vào sử dụng đang mang tên theo tên dự án mà chưa có cầu nào được chính thức có Quyết định đặt tên theo quy định. Bên cạnh đó, công trình công cộng, ngoại trừ Vườn hoa Hùng Vương (Quyết định số 897/2002/QĐ-UB ngày 09/5/2002) và Công viên Fidel (Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/9/2018) thì từ nhiều năm qua chưa có một đề án nào riêng biệt hoặc chung có giải quyết việc đặt tên, đổi tên trong khi nhu cầu đặt tên cho các công trình loại này đang đặt ra bức thiết để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

Vì vậy, xây dựng và triển khai thực hiện “**Đề án đặt tên đường, cầu và điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị**” là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách, góp phần phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng an ninh của thành phố Đông Hà.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Các căn cứ pháp lý

- Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố công trình công cộng;

- Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/03/2006 của Bộ Văn hóa Thông tin về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ;

- Quyết định số 36/2005/QĐ-BGTVT ngày 21/7/2005 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về việc đặt tên hoặc số hiệu đường bộ;

- Quyết định 1812/QĐ-UB ngày 17/7/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành ngân hàng dữ liệu về địa danh và danh nhân để đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 1643/QĐ-UB ngày 2/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành bổ sung danh mục ngân hàng dữ liệu đặt tên, đổi tên đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định 2941/QĐ-UB ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc bổ sung ngân hàng dữ liệu tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 34/2023/QĐ-UB ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố, và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Thông báo Kết luận số 775-TB/TU ngày ngày 09/9/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về thống nhất việc đặt tên các đường và các cầu thuộc Đề án đặt tên, điều

chỉnh điểm đầu, điểm cuối một số tuyến đường và đặt tên các cầu trên địa bàn thành phố Đông Hà.

2. Căn cứ thực tiễn

Cơ sở hạ tầng các khu dân cư và khu đô thị mới ở trung tâm tỉnh lỵ Đông Hà từ cuối những năm 2010 đang phát triển theo các hướng bắc, đông và tiếp tục phát triển ở phía nam thành phố trên các phường Đông Giang, Đông Lương, Đông Lễ nên các khu vực này được đầu tư quy hoạch mới hoặc quy hoạch mở rộng. Nhiều tuyến đường đã được mở ra và hoàn chỉnh việc cấp điện, cấp, thoát nước và nhiều nơi nhà ở của người dân đã được xây dựng ổn định. Ở các phường thuộc trung tâm thành phố như Phường 2, Phường 3, Phường 5 nhiều tuyến đường đã được mở thêm đi qua các khu dân cư đã ổn định cùng với nhiều tuyến đường được nối dài từ các tuyến đường đã có tên cũ. Theo thống kê, hiện nay trên địa bàn thành phố có gần 50 tuyến đường đã được đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thiện, trong đó có gần 40 tuyến đường được đầu tư đồng bộ về kết cấu hạ tầng giao thông, đảm bảo các điều kiện theo quy định (dài từ 200m trở lên, mặt cắt từ 8m trở lên) nhưng chưa có tên. Đồng thời, một số tuyến đường có tên gọi trước đây sau khi được mở thêm, được đầu tư xây dựng hoàn thiện, về quy mô chiều dài và tính kết nối với các khu vực lân cận nhưng không thể ngắt quãng để đặt tên mới nên phải được điều chỉnh điểm đầu điểm cuối các tuyến đường cho phù hợp. Thực trạng trên gây không ít khó khăn cho công tác quản lý quy hoạch, đô thị, quản lý hành chính và giao dịch của các tổ chức cá nhân và đặt ra nhu cầu cấp bách về đặt tên đường và điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối một số tuyến.

Thành phố Đông Hà về cơ bản có ba mặt giáp sông bao gồm: sông Hiếu, sông Thạch Hãn và sông Vĩnh Phước. Nhiều năm qua, hệ thống cầu đường bộ bắc qua các con sông này để nối trung tâm thành phố về các phía cũng như nối địa bàn thành phố với các địa phương lân cận đã được xây dựng mới. Cũng có những cây cầu đã được xây dựng từ trước đó (thời Pháp, thời VNCH) sau đó được sửa chữa, nâng cấp. Trên sông Vĩnh Phước có 2 cầu. Trên sông Thạch Hãn có 1 cầu và trên sông Hiếu có tất cả 5 cầu. Có những cây cầu chỉ thuần về chức năng giao thông đường bộ qua sông nhưng cũng có những cây cầu được xây dựng theo công nghệ tiên tiến, mang tính kỹ thuật và mỹ thuật cao, mang tính hình tượng biểu trưng của một thành phố trẻ năng động làm tôn vẻ đẹp cho thành phố như cầu dây văng nối Khu đô thị bắc sông Hiếu với trung tâm thành phố Đông Hà có hình tháp mô phỏng theo hình dáng búp sen. Lại có cầu vừa kết hợp giữa giao thông bộ với giao thông thủy trên sông Hiếu lại vừa là công trình đập ngăn mặn, cấp nước sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, cấp nước sinh hoạt, tạo cảnh quan môi trường, chỉnh trang đô thị, phát triển du lịch và tạo điểm nhấn kiến trúc trong quy hoạch tổng thể thành phố Đông Hà như cầu ngăn mặn sông Hiếu. Không kể những cây cầu vượt đường sắt, cầu bắc qua các hồ trong nội thành phố thì trong số những cây cầu đã có trước đây trên sông Hiếu đều đã được đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả nhưng chưa có tên chính thức theo quyết định đặt tên công trình công cộng. Tại Đề án này chỉ tập trung vào việc định danh cho 5 cầu bắc qua sông Hiếu thuộc nội thành phố. Trong 5 cầu trên sông Hiếu, chỉ có CẦU ĐÔNG HÀ

là có tên từ thời Pháp (1932) và CẦU SÔNG HIẾU 1, 2 (tên được gọi theo tên dự án xây dựng), còn lại là chưa có tên (Cầu dây văng có hình búp sen, Cầu ngăn mặn, cầu đường tránh Đông Hà). Việc giải quyết đặt tên cho các cây cầu bắc qua sông Hiếu là hết sức cần thiết.

III. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung

“Đề án đặt tên đường, cầu và điều chỉnh điểm đầu điểm cuối một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị năm 2023” nhằm đặt tên đường cho các tuyến đường đã xây dựng hoàn thành nhưng chưa có tên và đặt tên cho các cầu bắc qua sông thuộc nội thành phố đã xây dựng nhưng chưa có tên chính thức; đồng thời rà soát, đề xuất điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối một số tuyến đường đã có tên cho hợp lý trong tình hình phát triển giao thông đô thị hiện tại, góp phần thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính; tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hóa - xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

Nghiên cứu lựa chọn đặt tên 40 tuyến đường, 5 cầu trên các trục giao thông qua sông thuộc nội thành thành phố để đặt tên; điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối 8 tuyến đường đã có tên phù hợp với quy mô, thực tế của thành phố Đông Hà hiện nay.

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

1. Đối tượng

- Các tuyến đường trên địa bàn thành phố Đông Hà đã được quy hoạch, xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật nhưng chưa được đặt tên (*tính đến giữa năm 2023*).

- Một số cầu trên các trục giao thông qua sông thuộc nội thành thành phố Đông Hà đã được quy hoạch, xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật nhưng chưa có tên chính thức.

- Các tuyến đường đã có tên trước thời điểm năm 2023 được đầu tư xây dựng mở rộng, nối dài (*điều chỉnh điểm đầu - điểm cuối của tuyến đường*).

2. Phạm vi của đề án

- Đặt tên: Chỉ đặt tên các đường đã được xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật nhưng chưa được đặt tên, có chiều dài tối thiểu 200m, đã được đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, có hiện trạng mặt cắt đường từ 8m trở lên và nằm trong địa giới hành chính thành phố Đông Hà. Trường hợp đặc biệt sẽ được nghiên cứu, xem xét nhưng phải cân nhắc cụ thể.

- Chỉ đặt tên các cầu trên các trục giao thông bắc qua sông nằm trong địa giới hành chính thành phố Đông Hà.

- Chỉ điều chỉnh tên các tuyến đường được đầu tư xây dựng mở rộng, nối dài mà sự thay đổi ít ảnh hưởng đến đời sống dân sinh và kinh tế xã hội.

B. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. NHỮNG NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP CHỦ YẾU VỀ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, CẦU VÀ ĐIỀU CHỈNH ĐIỂM ĐẦU, ĐIỂM CUỐI MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG

1. Đặt tên đường và cầu

1.1. Nguyên tắc chung

- Các đường, cầu trên địa bàn thành phố Đông Hà đã được quy hoạch, xây dựng hoàn chỉnh về hạ tầng kỹ thuật, được sử dụng nhưng chưa có tên thì được xem xét đề đặt tên.

- Tên được lựa chọn để đặt tên đường, cầu là tên các địa danh, tên các sự kiện lịch sử trọng đại, các danh nhân tiêu biểu quốc gia và địa phương (*trên mọi lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội, nghệ thuật, khoa học, an ninh, quốc phòng*) thuộc danh mục dữ liệu tên theo Quyết định số 1812/QĐ-UB ngày 17/7/2019 và Quyết định số 1643/QĐ-UB ngày 2/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành ngân hàng dữ liệu đặt tên, đổi tên đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Các tên được lựa chọn để đặt tên đường, cầu thuộc đề án dựa trên cơ sở kế thừa kết quả đặt tên từ Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992; Quyết định số 736/QĐ-UB ngày 13/7/1996; Quyết định số 897/2002/QĐ-UB ngày 09/5/2002; Quyết định số 1834/2012/QĐ-UB ngày 08/10/2012; Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 về việc đặt tên, đổi tên, điều chỉnh tên đường trên địa bàn thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

1.2. Nguyên tắc cụ thể

- Tên được chọn để đặt tên đường, cầu căn cứ vào ý nghĩa của địa danh, tầm quan trọng của sự kiện lịch sử và công lao của danh nhân để phù hợp và tương xứng với vị trí, cấp độ, quy mô của đường, cầu.

- Không đặt tên đường, cầu bằng các tên gọi khác nhau của một danh nhân hoặc tên một địa danh, danh nhân, danh từ chung được đặt hai lần trên một tên đường, một cây cầu. Đối với các nhân vật lịch sử có nhiều tên gọi như: tên húy, tên hiệu, tước hiệu, bút danh... chỉ dùng một tên phổ biến nhất.

- Không đặt lại tên những danh nhân, địa danh, danh từ đã được chọn đặt trước đây trên địa bàn thành phố Đông Hà.

- Tên các danh nhân lịch sử cùng thời hoặc cùng lĩnh vực hoạt động được ưu tiên đặt gần nhau, hoặc kế tiếp nhau theo cùng một tuyến, tạo thành các tuyến, cụm đường có tên đường liên quan. Đồng thời ưu tiên các danh nhân mà cuộc đời sự nghiệp có liên quan đến các công trình văn hóa, xã hội nơi tuyến đường đi qua.

- Ưu tiên sử dụng tên các nhân vật lịch sử, địa danh nổi tiếng, sự kiện lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn bó mật thiết với thành phố Đông Hà và tỉnh Quảng Trị để đặt tên đường.

- Hạn chế đặt tên đối với các tuyến đường ngắn, có mặt cắt quy hoạch nhỏ, hẹp tập trung ở các khu đô thị mới và không có tính kết nối với các khu vực lân cận, đường chỉ có một hướng nhà.

- Trong trường hợp đặc biệt đối với một cây cầu mà tên đã được gọi gắn với địa danh của địa phương, mang tính lịch sử lâu dài, đã trở thành tên gọi gắn bó mật thiết với người dân dù chưa có trong mục từ của ngân hàng dữ liệu vẫn được giữ nguyên tên cũ để không làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế, xã hội và tâm lý cộng đồng.

1.3. Cách trình bày trong đề án

* Tên đường: Số thứ tự của tên đường; vị trí tiếp giáp điểm đầu và điểm cuối của tuyến đường; chiều dài và chiều rộng hiện trạng, chiều dài và chiều rộng quy hoạch; thuộc phường; tên dự kiến chọn đặt cho tuyến đường; số ký hiệu trên bản đồ.

* Tên cầu: Số thứ tự của tên cầu; vị trí của cầu; chiều dài và chiều rộng hiện trạng; kết cấu kỹ thuật; thời gian đưa vào sử dụng; tên dự kiến chọn đặt cho cây cầu; số ký hiệu trên bản đồ.

2. Điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối một số tuyến đường

2.1. Nguyên tắc chung

Các đường đã có tên được mở rộng về quy mô, xây dựng nối dài đã hoàn chỉnh về hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch đô thị sẽ nghiên cứu để điều chỉnh điểm đầu - điểm cuối của tuyến theo tên đã được đặt.

2.2. Nguyên tắc cụ thể

Chỉ đặt một tên đối với đường dài và thông suốt. Khi đường bị ngắt khúc bởi các giao lộ lớn hoặc vòng xoay thì đoạn kế tiếp có thể được nghiên cứu để đặt tên khác. Trường hợp mặt cắt hiện trạng của hai tuyến chệnh lệch nhưng trùng tim đường sẽ được điều chỉnh nối dài theo tên của tuyến đã có.

2.3. Cách trình bày trong Đề án: Số thứ tự của tên đường và quyết định tên đã được đặt trước đây; chiều dài tuyến đường cũ; thay đổi hiện trạng của tuyến đường về điểm đầu, điểm cuối và chiều dài, mặt cắt; kiến nghị điều chỉnh.

II. ĐẶT TÊN ĐƯỜNG VÀ CẦU

1. Đặt tên đường

1.1. Tổng số tuyến đường cần đặt tên thuộc đề án: 40 tuyến (*chi tiết tại Phụ lục 01*); trong đó:

- Phường 2: 05 tuyến.

- Phường 3: 08 tuyến.

- Phường 5: 03 tuyến.
- Phường Đông Lương: 13 tuyến.
- Phường Đông Lễ: 02 tuyến
- Phường Đông Giang: 08 tuyến.
- Phường Đông Thanh: 01 tuyến.

Các tuyến đường có độ dài từ 200m đến hơn 1.500m. Bề rộng mặt cắt đường hiện trạng từ 8m đến 15,5m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa hoặc láng nhựa; đã được đầu tư đồng bộ hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước đảm bảo yêu cầu. Phần lớn, các tuyến đường thuộc đề án tập trung trong các khu vực quy hoạch khu dân cư vùng đô thị mới hoặc đô thị mở rộng (như: Khu dân cư đường Đặng Dung, khu dân cư đường Cồn Cỏ thuộc phường 2; khu dân cư phía đông đường Thành Cổ, phía tây đường Khóa Bảo thuộc phường 3; khu cơ sở hạ tầng đường Thanh Niên thuộc phường Đông Giang...) nên độ dài chỉ từ 200 - 600m, mặt cắt các tuyến đường đa phần là 13 - 15m.

1.2. Tên và trích ngang nội dung tên được lựa chọn để đặt cho từng tuyến đường (hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, độ dài, mặt cắt, điểm đầu, điểm cuối, vị trí, số ký hiệu bản đồ và trích ngang nội dung tên được sử dụng cho từng tuyến đường (*Kèm theo phụ lục 01*))

1.2.1. Đoạn đường nối đường Trần Thánh Tông đến đường dọc kênh N2, của khu dân cư Đặng Dung, thuộc phường 2, chiều dài 480m, mặt cắt hiện trạng 13m, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Vạn Hạnh - 01 (số ký hiệu trên bản đồ)

Vạn Hạnh (938 - 1088) là danh tăng đời Lý, quê châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang (nay thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Hà Bắc). Từ nhỏ đã thông tam giáo: Phật, Nho, Lão, nhưng đặc biệt lưu tâm tới đạo Phật. Năm 21 tuổi, đi tu ở chùa Lục tổ, thụ pháp một Thiền sư phái Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Khi thiền sư này qua đời, ông trở thành pháp hệ thứ 12 của dòng thiền Nam Phương. Mặc dù xuất gia tu hành nhưng vẫn quan tâm đến những biến cố chính trị xã hội. Thời Tiền Lê, ông đã từng đóng góp mưu lược chống ngoại xâm và dựng nước với Lê Đại Hành (980 - 1005). Sư Vạn Hạnh là cha nuôi và thầy dạy của Lý Công Uẩn. Chính Lý Công Uẩn đã theo sư Vạn Hạnh ra làm quan ở Hoa Lư, đời Tiền Lê, giữ chức Điện tiền chỉ huy sứ, cai quản quân đội tại triều đình. Năm 1010, đoán biết vận nhà Lê đã hết, thiền sư bàn với Đào Cam Mộc, phò Lý Công Uẩn lên ngôi, dựng nên triều Lý, lấy hiệu Lý Thái Tổ. Sấm được truyền tụng: “*Hoà đao mộc lạc, thập bát tử thành*” (Nhà Lê hết, nhà Lý lên). Nhờ công tích này, Lý Thái Tổ phong ông làm Quốc sư.

1.2.2. Đoạn đường nối đường Trần Thánh Tông đến Tuyến 1, khu dân cư Đặng Dung, thuộc Phường 2, chiều dài 200m, mặt cắt hiện trạng 13m, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Phạm Thận Duật - 02 (số ký hiệu trên bản đồ)

Phạm Thận Duật (1825 - 1885) người xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, Ninh Bình, làm quan triều Nguyễn, trị nhậm nhiều năm ở Đoan Hùng, Tuần Giáo, Bắc Ninh. Năm 1956 về Huế làm tả tham tri Bộ Lại, kiêm Phó đô ngự sử rồi làm Hà Đê sứ 6 tỉnh tả ngạn sông Hồng. Sau về triều làm Thượng thư Bộ Hình, đại thần Viện Cơ mật, Hiệp biện đại học sĩ. Năm 1885, tham gia phong trào Cần Vương chống Pháp, đưa vua Hàm Nghi ra Quảng Trị, thảo hịch Cần Vương. Việc không thành bị Pháp đày ra Côn Đảo, sau đưa đi đày ở quần đảo Tahiti và mất trên đường đi, thi hài bị ném xuống biển Thái Bình Dương... Ông là nhà yêu nước, chính trị, quân sự, ngoại giao, thủy lợi, văn hóa, giáo dục ở nước ta thế kỷ XIX. Tác phẩm có: *Hung Hóa ký tập*, *Quan thành văn tập*, *Vãng xứ Thiên Tân nhật ký*, *hà đê tấu tập*...

1.2.3. Đoạn đường nối đường Trần Thánh Tông đến Tuyến 1, khu dân cư Đặng Dung thuộc khu dân cư Đặng Dung, phường 2, chiều dài 220m, mặt cắt hiện trạng 13m, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Hoàng Kế Viêm - 03 (số ký hiệu trên bản đồ)

Hoàng Kế Viêm (1820 - 1909) cũng gọi là Hoàng Tá Viêm, hiệu Tùng An, quê làng Văn La, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Ông học trường Quốc Tử giám; kết hôn với công chúa Hương La (con gái Minh Mệnh); làm quan lần lượt ở các tỉnh Thanh Hoá, Hưng Yên... cho đến 1887, lên đến chức Thái tử Thiếu bảo, Cơ mật viện đại thần. Hoàng Kế Viêm xuất sắc về mặt võ, có công dẹp yên được một số vụ rối loạn ở Bắc Kỳ, thu phục Lưu Vĩnh Phúc, dẹp quân Cờ Vàng như Hoàng Sùng Anh, Lý Dương Tài. Ông cũng cầm cự với quân Pháp nhiều lần ở Sơn Tây, Hà Nội nhưng không thắng nổi. Hoàng Kế Viêm quan tâm đến những hoạt động kinh tế, ông đã nhờ Nguyễn Trường Tộ đào kênh Thiết cảng ở Nghệ An 1863, khai khẩn đất đai ở quê nhà. Ông còn có sở trường về văn chương, soạn những tác phẩm nói về người cha của mình (*Tiên công sự tích biệt lục*) về người vợ của mình (*Khôn y lục*) và về ông vua (Tự Đức) của mình (*Phê thị trần hoàn*).

1.2.4. Đoạn đường nối Tuyến 3 khu dân cư Đặng Dung đến đường dọc kênh N2 thuộc khu dân cư Đặng Dung, phường 2, chiều dài 200m, mặt cắt hiện trạng 13m, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Bùi Viện - 04 (số ký hiệu trên bản đồ)

Bùi Viện (1838 - 1878) là vị quan triều Nguyễn - Nhà cải cách, cùng thời với Nguyễn Trường Tộ. Quê ông ở làng Trình Phố, tổng An Bồi, huyện Trực Định (nay là huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình), xuất thân nhà nho nghèo, bạn học với Yên Đổ Nguyễn Khuyến. Đỗ Tú tài năm 1867, đỗ cử nhân 1868, thời vua Tự Đức, được Thượng thư bộ Hình Lê Tuấn thu nhận, giúp việc quân, rồi được Tự Đức cho phép ra nước ngoài xem xét tình hình. Năm 1873, Bùi Viện đến Hương Cảng kiếm được người quen giới thiệu sang Hoa Thịnh Đốn và là người Việt Nam đầu tiên đến nước Mỹ, được tiếp kiến Tổng thống Mỹ Le Grant nhưng do không có Quốc thư nên phải quay về. Năm 1872, ông sang Mỹ lần 2 thì Mỹ đã thay đổi chính sách không đề cập đến vấn

đề viện trợ nữa. Về nước, Bùi Viện dâng nhiều bản tấu về vấn đề tuần dương hạm và thương mại được vua Tự Đức chấp nhận. Ông lập ra một thủy đội tuần tiêu các cửa biển gọi là Tuần dương hạm với 200 chiến thuyền và được phong làm Tuần hải nha chánh quân đốc. Với tầm nhìn vượt xa các nhà nho thủ cựu đương thời, Bùi Viện chủ trương thay đổi nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, mở cửa đối với nước ngoài, đưa khoa học kỹ thuật, thương mại phương Tây vào Việt Nam; lập ra hệ thống thương điếm ở khắp các tỉnh ven biển nước ta. Ông là một trong những người đầu tiên xây dựng cảng hải Phòng (khoảng năm 1872). Ông cũng xin Tự Đức cho lập Chiêu Thương cục, được cử làm Tham biện thương chánh để phụ trách công việc giao thương buôn bán với phương Tây. Đáng tiếc là ông bất ngờ lâm bệnh chết, gây nên tiếc thương cho những nhân sĩ đương thời có khuynh hướng duy tân.

1.2.5. Đoạn đường nối đường dọc kênh N2 đến đường nội bộ khu dân cư Côn Cỏ, thuộc khu dân cư Côn Cỏ, phường 2, chiều dài 260m, mặt cắt hiện trạng 13m, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Đặng Xuân Bảng - 05 (số ký hiệu trên bản đồ)

Đặng Xuân Bảng (1828 - 1910) tự Thiện Đình, quê Hành Thiện, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định (nay là xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường). Ông đỗ Tiến sĩ khoa Bính Thìn (1856) thời Nguyễn, làm quan từ Giáo thụ đến Tuần phủ. Thích sách và đọc sách đến già không biết mỏi, tham khảo rộng rãi nhiều tư liệu để viết các sách *Nhân sự kim giám thư, Nam phương danh vật bị khảo, Cổ kim thiện ác kinh, Cổ nhân ngôn hành lục, Cư gia khuyến giới tắc, Diển huấn tục quốc âm, Tuyên Quang phú...* Về quê dạy học, ông mộ dân khai khẩn đất hoang, lập ấp Tả Hành (nay thuộc xã Duy Nhất, Vũ Thư, Thái Bình), khôi phục nghề thủ công truyền thống. Khi mất ông được dân tôn làm Thành hoàng.

1.2.6. Đoạn đường nối đường Trần Hưng Đạo đến đường nội bộ khu dân cư phía đông đường Thành Cổ, thuộc khu dân cư phía đông đường Thành Cổ, phường 3, chiều dài 380m, mặt cắt hiện trạng 15m, mặt cắt quy hoạch 15m.

Tên đường: Lý Nhân Tông - 06 (số ký hiệu trên bản đồ)

Lý Nhân Tông (1072 - 1127), tên húy là Càn Đức, con vua Thánh Tông và bà Ý Lan nguyên phi, lên ngôi khi mới 7 tuổi. Nhờ sự giúp sức của Thái sư Lý Đạo Thành và Lý Thường Kiệt nên thời trị vì của vua Lý Nhân Tông nước Việt phồn vinh, "dân được giàu đông", chính trị và võ bị đều được sửa sang, tạo thành một công nghệ lẫy lừng. Ông rất quan tâm đến nông nghiệp - thủy lợi, đã cho đắp đê ở nhiều nơi và mở rộng luật cấm giết trâu. Thời Nhân Tông còn nổi bật với việc tổ chức khoa thi Nho học đầu tiên của Đại Việt (1075) và xây dựng Văn Miếu - Quốc Tử giám (1076). Phật giáo cũng phát triển; nhà vua và mẹ là Linh Nhân đều là những Phật tử mộ đạo, đã cho xây nhiều chùa tháp và khuyến khích việc hành đạo của các thiền sư. Về đối ngoại, năm 1075, đế quốc Tống dòm ngó Đại Việt, Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt đi đánh, liên tiếp phá tan quân Tống ở 3 châu Ung, Khâm, Liêm (đất Tống) và sông Như Nguyệt (đất Việt). Sau năm 1077, giữa Việt và Tống không còn cuộc chiến lớn nào.

Trong khi đó các nước Chiêm Thành, Chân Lạp thần phục Đại Việt, thường gửi sứ sang cống. Tuy ở ngôi lâu năm, Lý Nhân Tông không có con trai để nối dõi. Ông nhận nuôi một người cháu là Lý Dương Hoán rồi lập làm thái tử, đó là Lý Thần Tông. Ông mất năm 1127, ở ngôi được 56 năm. Thời đại của Lý Nhân Tông cùng với ông nội là Lý Thái Tông và cha là Lý Thánh Tông được xem là thời thịnh vượng của Nhà Lý với tên gọi là “Bách niên Thịnh thế”

1.2.7. Đoạn đường nối đường Thành Cổ đến tuyến 1 khu dân cư phía đông đường Thành Cổ, thuộc khu dân cư phía đông đường Thành Cổ, phường 3, chiều dài 200m, mặt cắt hiện trạng 15m, mặt cắt quy hoạch 15m.

Tên đường: Nguyễn Phúc Khoát - 07 (số ký hiệu trên bản đồ)

Nguyễn Phúc Khoát (1714 - 1765) Ông là chúa Nguyễn đời thứ 8, hiệu là Võ vương, cầm quyền từ 1738, xưng vương năm 1744. Ông lộ rõ ý thức và khả năng xây dựng một vương triều độc lập, có quy mô. Chia đất nước Đàng Trong thành 12 dinh, đặt các chức Trấn thủ, các họ, ký lục. Ông cũng định lại phép thi (1740) đặt các học vị Nhiêu học và Hương cống; đặt triều nghi và chính thức định đô ở Phú Xuân. Dưới thời ông, Mạc Thiên Tứ đã mở mang đất Hà Tiên, nhận quyền chỉ huy của chúa Nguyễn. Các vùng đất Vĩnh Long, Sa Đéc, Châu Đốc cũng thuộc bản đồ Việt Nam vào lúc này.

1.2.8. Đoạn đường nối tuyến 2 đến tuyến 1 khu dân cư phía đông đường Thành Cổ, thuộc khu dân cư phía đông đường Thành Cổ, phường 3, chiều dài 300m, mặt cắt hiện trạng 15m, mặt cắt quy hoạch 15m.

Tên đường: Nguyễn Phúc Chu - 08 (số ký hiệu trên bản đồ)

Nguyễn Phúc Chu (1674 - 1725) là vị chúa Nguyễn đời thứ sáu, nối ngôi Nguyễn Phúc Trấn. Bắt đầu từ ông, họ Nguyễn tự xưng là Quốc Chúa (1702), không chịu phong với nhà Lê - Trịnh nữa. Nguyễn Phúc Chu quan tâm đến việc mở rộng bờ cõi phương nam. Từ năm ông cầm quyền 1691 đến khi mất, bản đồ miền Nam có thêm phủ Bình Thuận rồi có Trấn Biên dinh (sau là Biên Hoà), Phiên Trấn dinh (Gia Định). Ông còn cho quân sang cả Nam Vang, hậu thuẫn cho Nặc Ông Yên, nước Chân Lạp về hàng chúa Nguyễn (1715).

1.2.9. Đoạn đường nối đường Lê Thánh Tông đến đường Trần Bình Trọng, thuộc khu tái định cư đường Trần Bình Trọng, phường 3, chiều dài 450m, mặt cắt hiện trạng 13,5m, mặt cắt quy hoạch 13,5m.

Tên đường: Thành Thái - 09 (số ký hiệu trên bản đồ)

Thành Thái (1879 - 1954), tên khai sinh là Nguyễn Phúc Bửu Lân, là vị hoàng đế thứ 10 của triều đại nhà Nguyễn, tại vị từ 1889 đến 1907. Ông là nhà vua yêu nước chống Pháp nên là một trong 3 vị vua yêu nước trong lịch sử Việt Nam thời Pháp thuộc bị đi đày tại ngoại quốc (bao gồm vua Hàm Nghi, ông và vua Duy Tân). Ông không có miếu hiệu. Là người có tinh thần tự cường dân tộc và đầu óc cải cách. Có những tài liệu cho rằng ông đã đồng tình, giúp đỡ... tạo điều kiện cho Cường Để xuất dương theo Phan Bội Châu sang Nhật. Vua Thành Thái còn nghiên cứu các loại vũ

khí, đã giao cho họa sĩ Lê Văn Miến (tốt nghiệp Trường Mỹ thuật Paris) vẽ cho ông các khẩu súng Pháp. Dưới thời Thành Thái, nhiều công trình xây dựng được thực hiện như: Chợ Đông Ba, cầu Trường Tiền. Chính nhà vua đã đề nghị thành lập trường Quốc học Huế (năm 1896).

1.2.10. Đoạn đường nối đường Khóa Bảo đến đường Trần Bình Trọng, phường 3, chiều dài 400m, mặt cắt hiện trạng 13m, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Nguyễn Quý Đức - 10 (số ký hiệu trên bản đồ)

Nguyễn Quý Đức (1648 - 1720) hiệu Đường Hiên, tự Thê Nhân; người làng Thiện Mỹ, phủ Hoài Đức (nay là xã Địa Mỹ, huyện Từ Liêm, Hà Nội). Ông đậu thám hoa năm 1676, làm đến Thượng Thư, Tham tụng, tước Liêm quân công; từng đi sứ Trung Quốc, đồng biên soạn sách *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên*; có công tu tạo Văn Miếu - Quốc Tử Giám, dựng thêm bia tiến sĩ, dạy trường Giám 10 năm. Ông là một tể tướng công minh, khoan hậu, một nhà giáo nghiêm túc, một nhà chính trị, ngoại giao tài giỏi, nhà sử học uyên bác và còn là một nhà thơ, tác giả *Thi châu tập*.

1.2.11. Đoạn đường nối đường Khóa Bảo đến đường Trần Bình Trọng, phường 3, chiều dài 400m, mặt cắt hiện trạng 13m, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Lê Văn Duyệt - 11 (số ký hiệu trên bản đồ)

Lê Văn Duyệt (1763 - 1832) là vị tướng nhà Nguyễn. Gốc huyện Mộ Đức (Quảng Ngãi), sau dời vào tỉnh Định Tường (Tiền Giang ngày nay). Từ 1780, theo giúp Nguyễn Ánh (Gia Long), lập nhiều công trạng, đặc biệt là trận thắng Tây Sơn ở Thị Nại (1801) rồi Phú Xuân, được phong tước quận công làm Kinh lược sứ Thanh Nghệ, rồi tổng trấn Gia Định. Lê Văn Duyệt còn là nhà chính trị xuất sắc, ông giữ vững bờ cõi miền Nam, phát huy ảnh hưởng và uy thế của Việt Nam với các nước láng giềng Xiêm La, Chân Lạp; ứng xử khôn khéo với người Tây phương đến buôn bán ở Sài Gòn. Thời kỳ làm quan ở Gia Định (1813 - 1816 và 1820 - 1832) Lê Văn Duyệt có công khai hoang lập ấp, mở mang đồn điền, thực hiện chính sách trị an tốt khiến cho nhân dân được vui vẻ, yên ổn; vì thế thường gọi ông một cách kính trọng là Thượng Công.

1.2.12. Đoạn đường nối tuyến 5 khu dân cư phía tây đường Khóa Bảo đến đường nội bộ khu dân cư phía tây đường Khóa Bảo, phường 3, chiều dài 250m, mặt cắt hiện trạng 13m, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Lâm Hoằng - 12 (số ký hiệu trên bản đồ)

Lâm Hoằng (1824 - 1883) là võ tướng Triều Tự Đức. Ông quê ở Gio Bình, Gio Linh, Quảng Trị. Năm 1867, ông đỗ cử nhân trường Thừa Thiên; năm 1868, đỗ Phó bảng; làm quan thăng dần đến chức Tham tri Bộ công. Năm 1883, khi Pháp chiếm cửa Thuận An, ông được giao nhiệm vụ trấn giữ Trấn hải đài ở Thuận An. Thế giặc rất mạnh, ông cùng quân sĩ chiến đấu rất anh dũng nhưng do lực lượng yếu, vũ khí thô sơ không chống nổi giặc, ông đành cho quân lui rồi tự nhảy xuống biển tuẫn tiết. Đương

thời ông được sĩ phu và nhân dân kính trọng ngợi ca; sau triều đình phong ông hàm Thượng thư.

1.2.13. Đoạn đường nối tuyến 5 khu dân cư phía tây đường Khóa Bảo đến đường nội bộ khu dân cư phía tây đường Khóa Bảo, phường 3, chiều dài 200m, mặt cắt hiện trạng 13m, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Lê Quang Định - 13 (số ký hiệu trên bản đồ)

Lê Quang Định (1760 - 1813) là quan nhà Nguyễn, nhà thơ, nhà địa dư. Tự Tri Chỉ, hiệu Tấn Trai, người gốc Minh hương, ở huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên. Tuổi nhỏ, mồ côi cha, ở với anh tại Gia Định. Thông minh, ham học, được một thầy thuốc yêu, gả con gái cho. Ông theo học Võ Trường Toản. Khi Nguyễn Ánh mở khoa thi tại Gia Định, Lê Quang Định thi đỗ, được cử làm Hàn lâm viện chế cáo, coi việc biên soạn sách; sau thăng Hữu tham tri rồi Thượng thư Bộ Binh, ngoài ra còn kiêm quản toà Khâm thiên giám, lập sổ đình điền, trong coi việc khai khẩn đất hoang. 1802, ông làm chánh sứ sang Trung Quốc khi về vẫn được trọng dụng, thăng Hộ Bộ Thượng thư (1810). Lê Quang Định có tập *Hoa nguyên thi thảo*. Ông cũng chủ trì bộ *Hoàng Việt nhất thống địa dư chí* gồm 10 quyển về sông núi, đường sá, phong tục, thổ sản nước Việt Nam.

1.2.14. Đoạn đường nối đường Nguyễn Du đến kiệt đường Nguyễn Hồng KP8, phường 5, chiều dài 410m, mặt cắt hiện trạng 15m, mặt cắt quy hoạch 15m.

Tên đường: Lê Đức Thọ - 14 (số ký hiệu trên bản đồ)

Lê Đức Thọ (1911 - 1990) tên chính là Phan Đình Khải, người làng Dịch Lễ, huyện Mỹ Lộc (nay thuộc xã Nam Vân, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Định). Ông tham gia hoạt động cách mạng từ rất sớm, vào Đảng Cộng sản Đông Dương, bị Pháp bắt tù đầy ở nhiều nhà tù. Cuối năm 1944 ra tù, ông tham gia phát động cao trào cách mạng tiến tới Tổng khởi nghĩa. Từ năm 1948 đến 1954 ông công tác ở miền Nam, giữ cương vị chủ chốt trong Xứ ủy Nam Bộ, Trung ương Cục miền Nam. Năm 1955, ông tập kết ra Bắc, được bổ sung vào Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng. Sau một thời gian, ông quay trở lại miền Nam công tác; năm 1968, ông là cố vấn đặc biệt của phái đoàn Chính phủ VNDCCH tại Hội nghị Paris, tiến tới ký hiệp định với Mỹ giải quyết vấn đề hòa bình ở Việt Nam. Ông Lê Đức Thọ trở thành người châu Á đầu tiên được trao tặng giải Nobel Hòa bình cùng với Ngoại trưởng Hoa Kỳ Henry Kissinger vào năm 1973, nhưng ông đã từ chối nhận giải với lý do đất nước Việt Nam chưa thể có được hòa bình chừng nào chưa đánh đổ được chế độ tay sai của Mỹ. Năm 1975, ông vào Nam chỉ đạo cuộc Tổng tiến công mùa xuân và chiến dịch Hồ Chí Minh. Đất nước thống nhất, ông vẫn giữ chức vụ Trưởng ban Tổ chức Trung ương cho đến khi mất.

1.2.15. Đoạn đường nối kiệt 82 Nguyễn Du đến đường Lê Thánh Tông, phường 5, chiều dài 376m, mặt cắt hiện trạng 13m, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Nguyễn Thiếp - 15 (số ký hiệu trên bản đồ)

Nguyễn Thiếp (1723 - 1804) tự Khải Xuyên, hiệu La Sơn phu tử, người làng Mật (Nguyệt Áo), huyện La Sơn (nay là Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh. Ông đỗ Hương cống năm 1743, nhưng 10 năm sau mới ra làm quan Huấn đạo và Tri huyện Thanh Chương, rồi lui về ở ẩn trên núi Thiên Nhẫn. Vua Quang Trung trên đường ra Bắc giải phóng thành Thăng Long cuối năm 1788 đã dừng lại tìm ông vẫn kế phá giặc Thanh. Sau chiến thắng, ông ra làm Viện trưởng Viện Sùng chính, chăm lo việc giáo dục cho triều Tây Sơn.

1.2.16. Đoạn đường nối kiệt 82 Nguyễn Du KP8 đến đường Nguyễn Hồng, phường 5, chiều dài 240m, mặt cắt hiện trạng 8m, mặt cắt quy hoạch 8m.

Tên đường: Lê Trinh - 16 (số ký hiệu trên bản đồ)

Lê Trinh (1850 - 1909) là đại thần triều Nguyễn, có công với quê hương đất nước, sinh ở làng Bích La Đông, Triệu Đông, Triệu Phong, Quảng Trị. Với tư cách là một Thượng thư Bộ lễ ông đã có vai trò quan trọng trong việc đưa Hoàng tử Vĩnh San lên ngôi vua 1907 và đã giảm án tử hình cho nhà chí sĩ yêu nước Phan Chu Trinh (1908). Trên lĩnh vực ngoại giao ông là người có kiến thức uyên bác, trình bày những giải pháp canh tân đất nước rất khả thi nhằm chống lại nguy cơ xâm lược của các nước phương Tây khiến triều Thanh rất khâm phục. Hoàng đế Quang Tự đã ban biểu Tiến sĩ cùng áo mũ và danh hiệu “Lưỡng quốc tham mưu” cho ông. Lê Trinh còn để lại một tập: *Bích phong di thảo* gồm 50 bài thơ và hơn 100 câu đối bằng chữ Hán mang giá trị văn học và lịch sử cao.

1.2.17. Đoạn đường nối đường Đặng Thị đến đường Nguyễn Văn Cừ, phường Đông Lương, chiều dài 270m, mặt cắt hiện trạng 10m, mặt cắt quy hoạch 10m.

Tên đường: Lương Nghĩa Dũng- 17 (số ký hiệu trên bản đồ)

Lương Nghĩa Dũng (1934-1972) là nhà báo, liệt sỹ. Ông quê Huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Đông (nay là thành phố Hà Nội), là phóng viên nhiếp ảnh của Tổng cục Chính trị, quân đội nhân dân Việt Nam, tác nghiệp tại các chiến dịch mặt trận lớn như: Đường 9 - Nam Lào, Cánh đồng chum, chiến trường Quảng Trị... được nhà nước trao tặng Giải thưởng về văn học nghệ thuật các tác phẩm ảnh “Đấu pháo ở Dốc Miếu”, được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật với bộ ảnh “Những khoảnh khắc khắc để lại”.

1.2.18. Đoạn đường nối đường Trịnh Hoài Đức đến đường Thoại Ngọc Hầu, phường Đông Lương, chiều dài 200m, mặt cắt hiện trạng 13m, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Nguyễn Bình - 18 (số ký hiệu trên bản đồ)

Nguyễn Bình (1906 - 1951) quê xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, Hưng Yên, tên chính là Nguyễn Phương Thảo. Năm 1928 vào Quốc dân đảng của Nguyễn Thái Học, khởi nghĩa Yên Bái thất bại bị Pháp bắt đày ra Côn Đảo. Trong tù, ông giác ngộ đi theo chủ nghĩa cộng sản. Năm 1935 ra tù, về hoạt động ở quê nhà trong phong trào

bình dân. Năm 1943 được Trung ương giao mua vũ khí và xây dựng cơ sở cách mạng ở Hải Phòng. Năm 1945 đánh đồn Bân, đồn Bí Chợ, Mạo Khê, chỉ huy chiến khu Đông Triều. Trong Cách mạng Tháng Tám, ông tổ chức đánh chiếm thị xã Quảng Yên, cướp chính quyền ở Hải Phòng, Kiến An, Hải Dương, được cử làm khu trưởng khu Duyên Hải Bắc Bộ. Tháng 10-1945, Hồ Chủ tịch cử ông vào Nam Bộ làm Tư lệnh trưởng quân khu 7. Năm 1948 được phong Trung tướng, Tư lệnh chỉ huy quân đội và dân quân Nam Bộ. Ông có công thống nhất các lực lượng vũ trang của các giáo phái miền Nam đánh Pháp. Ông hy sinh trên đường ra Bắc báo cáo Trung ương tại Campuchia, được truy tặng Liệt sĩ, Huân chương Hồ Chí Minh.

1.2.19. Đoạn đường nối đường Trịnh Hoài Đức đến đường Thoại Ngọc Hầu, phường Đông Lương, chiều dài 200m, mặt cắt hiện trạng 13m, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Nguyễn Phong Sắc - 19 (số ký hiệu trên bản đồ)

Nguyễn Phong Sắc (1902 - 1930) tên thật là Nguyễn Văn Sắc, người phố Bạch Mai, là người tham gia lập chi bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Hà Nội, một trong bảy người thành lập chi bộ Cộng sản đầu tiên ở phố Hàm Long (3-1929). Năm 1930, ông được Đảng cử đi chỉ đạo phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh (1930). Tháng 5-1930, trong một chuyến công tác về Hà Nội, ông bị mật thám Pháp bắt rồi thủ tiêu.

1.2.20. Đoạn đường nối đường Trịnh Hoài Đức đến đường Thoại Ngọc Hầu, phường Đông Lương, chiều dài 200m, mặt cắt hiện trạng 13m, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Phó Đức Chính - 20 (số ký hiệu trên bản đồ)

Phó Đức Chính (1908 - 1930) người Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, một trong những người cùng Nguyễn Thái Học lập Việt Nam Quốc dân đảng. Trong cuộc khởi nghĩa tháng 2-1930, ông trực tiếp chỉ huy đánh đồn Thông (Sơn Tây) nhưng không thành. Sau đó, ông bị Pháp bắt đưa ra tòa Đê hình, kết án tử hình. Ông bị xử án chém cùng với thủ lĩnh Nguyễn Thái Học và 11 đồng chí tại Yên Bái ngày 17-6-1930.

1.2.21. Đoạn đường nối đường Trịnh Hoài Đức đến đường Thoại Ngọc Hầu, phường Đông Lương, chiều dài 200m, mặt cắt hiện trạng 13m, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Phùng Chí Kiên - 21 (số ký hiệu trên bản đồ)

Phùng Chí Kiên (1901 - 1941) có tên là Nguyễn Vỹ, quê xã Mỹ Quang Thượng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Ông là người giác ngộ cách mạng rất sớm. Năm 1926, ông sang Trung Quốc dự lớp huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc tổ chức, rồi theo học trường võ bị Hoàng Phố, gia nhập quân cách mạng Trung Quốc khởi nghĩa Quảng Châu 12-1927. Năm 1931, học Đại học Phương Đông (Liên Xô). Năm 1935 được bầu vào BCH TW Đảng, phụ trách công tác Đảng ở nước ngoài. Năm 1941, cùng với Nguyễn Ái Quốc về Pác Bó, chỉ đạo căn cứ Bắc Sơn (Cao Bằng) chỉ huy Trung đội

Cứu quốc số 1. Ông bị Pháp bắt và giết tại Ngân Sơn tháng 8-1941, sau được truy quân hàm cấp tướng.

1.2.22. Đoạn đường nối đường Nguyễn Hữu Khiếu đến đường Điện Biên Phủ, phường Đông Lương, chiều dài 280m, mặt cắt hiện trạng 15,5m, mặt cắt quy hoạch 15,5m.

Tên đường: Hoàng Văn Thái - 22 (số ký hiệu trên bản đồ)

Hoàng Văn Thái (1915 - 1986) - Đại tướng Quân đội nhân dân Việt Nam và là một trong những tướng lĩnh có ảnh hưởng quan trọng trong sự hình thành và phát triển của Quân đội nhân dân Việt Nam; người có công lao lớn trong cuộc chiến chống thực dân Pháp và ảnh hưởng lớn trong cuộc chiến chống đế quốc Mỹ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ông tên thật là Hoàng Văn Xiêm, quê ở xã Tân An, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Ông tham gia phong trào nông dân Tiền Hải từ 1936, được kết nạp vào Chi bộ Cộng sản đầu tiên của huyện Tiền Hải năm 1938. Năm 1944, nhập ngũ quân đội. Sau Cách mạng Tháng Tám, ông là Tổng Tham mưu trưởng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam, góp công trong nhiều chiến dịch quan trọng như Chiến dịch Biên giới thu đông 1950, Trận Điện Biên Phủ (1954), Chiến dịch Tết Mậu Thân (1968), Chiến dịch năm 1972, Chiến dịch Hồ Chí Minh... Ông cũng là nhân vật chính trị cao cấp của Việt Nam, từng giữ chức Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam, Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, Phó chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Đại biểu Quốc hội Việt Nam khóa VII, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa III, IV, V.

1.2.23. Đoạn đường nối đường Nguyễn Hữu Khiếu đến đường Điện Biên Phủ, phường Đông Lương, chiều dài 250m, mặt cắt hiện trạng 15,5m, mặt cắt quy hoạch 15,5m.

Tên đường: Nguyễn Thị Minh Khai - 23 (số ký hiệu trên bản đồ)

Nguyễn Thị Minh Khai (1910 - 1941) có tên là Nguyễn Thị Vịnh, quê gốc ở làng Mọc, Quan Nhân (nay là phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân), sinh tại thành phố Vinh. Năm 1927, bà tham gia hoạt động trong phong trào công nhân ở Vinh và tham gia thành lập Tân Việt Cách mệnh Đảng, sau đó được bầu làm Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ. Năm 1930, vào Đảng Cộng sản Đông Dương, phụ trách vận động vùng Trường Thi - Bến Thủy rồi sang Hương Cảng làm thư ký cho Nguyễn Ái Quốc ở văn phòng chi nhánh Đông phương bộ của Quốc tế Cộng sản. Năm 1931, bà bị bắt tại Hương Cảng, bị kết án và giam ở đây. Năm 1934, bà ra tù và được Đông phương bộ Quốc tế Cộng sản cử làm đại biểu chính thức đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản tại Moskva cùng với Lê Hồng Phong. Năm 1936, về nước, tham gia Xứ ủy Nam Kỳ, Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, chỉ đạo khởi nghĩa Nam Kỳ và bị bắt tháng 7-1940. Pháp xử bắn bà tại Hóc Môn ngày 28-8-1941.

1.2.24. Đoạn đường nối đường Lê Lợi đến đường khu vực Khu đô thị Vincom, phường Đông Lương, chiều dài 450m, mặt cắt hiện trạng 15,5m, mặt cắt quy hoạch 15,5m.

Tên đường: Khúc Thừa Dụ - 24 (số ký hiệu trên bản đồ)

Khúc Thừa Dụ (830 - 907) được suy tôn là Khúc Tiên Chủ, là tiết độ sứ người bản địa đầu tiên của Tĩnh Hải quân, đồng thời là người đặt cơ sở cho nền độc lập của dân tộc Việt sau hơn 1.000 năm bị Bắc thuộc. Ông quê ở Hồng Châu (thuộc vùng Bình Giang và Ninh Giang tỉnh Hải Dương). Ông vốn là con nhà hào phú. Bấy giờ nước Nam bị nhà Đường đô hộ, nhưng thế nhà Đường đã suy. Các hào kiệt dấy binh chống lại. Khúc Thừa Dụ được suy tôn làm lãnh tụ. Ông lãnh đạo thành công việc đánh đuổi bọn quan lại đô hộ, rồi nắm chính quyền vào năm bính dần (906) nhưng vẫn xưng Tĩnh Hải tiết độ sứ. Khúc Thừa Dụ dựng đô ở La Thành, làm cho dân yên, nước trị. Ông khéo léo dùng danh nghĩa "xin mệnh nhà Đường" buộc triều đình nhà Đường phải công nhận chính quyền của ông. Ngày 7 tháng 2 năm 906, vua Đường Ai Đế phong thêm cho Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ Khúc Thừa Dụ tước "Đồng bình chương sự". Sau đó, Khúc Thừa Dụ tự lấy quyền mình, phong cho con là Khúc Hạo chức vụ "Tĩnh Hải hành quân tư mã quyền tri lưu hậu", tức là chức vụ chỉ huy quân đội và sẽ kế vị quyền Tiết độ sứ. Ông mất năm Đinh Mão (907), con là Khúc Hạo thay nắm quyền.

1.2.25. Đoạn đường nối đường Nguyễn Sinh Sắc đến đường Trần Thị Tâm, phường Đông Lương, chiều dài 210m, mặt cắt hiện trạng 10.5m, mặt cắt quy hoạch 10.5m.

Tên đường: Dương Quảng Hàm - 25 (số ký hiệu trên bản đồ)

Dương Quảng Hàm (1898 - 1946) - Nhà văn hoá, khoa học - Liệt sỹ thời chống Pháp. Ông sinh trong gia đình có truyền thống Nho học ở làng Phú Thị, phủ Khoái Châu, nay thuộc xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm năm 1920, ông đi dạy học 25 năm ở trường Trung học Bảo hộ (Trường Bưởi). Sau Cách mạng tháng Tám, ông làm Tổng thanh tra Trung học vụ, Hiệu trưởng trường Chu Văn An. Ông là vị Giáo sư đi tiên phong trong xây dựng nền văn học sử Việt Nam. Dương Quảng Hàm là tác giả bộ sách quý *Việt Nam văn học sử yếu* (1941) và *Việt Nam thi văn hợp tuyển* (1942) được tái bản 15 lần trong hơn 50 năm qua. Ông hy sinh trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến ở Hà Nội (12-1946) được truy tặng liệt sỹ.

1.2.26. Đoạn đường nối đường Trần Thị Tâm đến đường Lê Văn Lương, phường Đông Lương, chiều dài 200m, mặt cắt hiện trạng 10.5m, mặt cắt quy hoạch 10.5m.

Tên đường: Đào Duy Tùng - 26 (số ký hiệu trên bản đồ)

Đào Duy Tùng (1924 - 1998) là nhà hoạt động cách mạng, nhà chính trị. Ông người xã Cổ Loa, huyện Đông Anh. Tháng 4 - 1945, ông lãnh đạo Việt Minh xã cướp chính quyền huyện Kim Anh, vào Đảng Cộng sản (9-1945) và tham gia Thường vụ huyện ủy, Chủ nhiệm Việt Minh huyện Kim Anh. Năm 1947, ông là Tỉnh ủy viên Phúc Yên; năm 1949, Phó Bí thư Tỉnh ủy Phúc Yên; năm 1950, Thường vụ Tỉnh ủy rồi phó Bí thư tỉnh Cao Bằng. Năm 1953, ông sang Trung Quốc học trường Mác - Lênin, về

nước làm Vụ trưởng Vụ Huấn học Ban Tuyên giáo Trung ương. Năm 1980 làm Viện trưởng Viện nghiên cứu Mác-Lênin. Năm 1981, là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; năm 1982, là Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương. Năm 1986, ông là Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị; năm 1988, Ủy viên Bộ chính trị. Từ 1991 - 1996 ông là Thường trực Ban bí thư. Đào Duy Anh được tặng nhiều danh hiệu cao quý như Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Hồ Chí Minh.

1.2.27. Đoạn đường nối đường Trần Thị Tâm đến đường Lê Văn Lương, phường Đông Lương, chiều dài 200m, mặt cắt hiện trạng 10.5m, mặt cắt quy hoạch 10.5m.

Tên đường: Đặng Văn Ngữ - 27 (số ký hiệu trên bản đồ)

Đặng Văn Ngữ (1910 - 1967) là nhà khoa học xuất sắc ngành Y - Liệt sỹ, Anh hùng LLVTND. Ông người An Cựu, Huế. Giáo sư, bác sĩ Đặng Văn Ngữ nổi tiếng từ nhiều công trình chuyên ngành ký sinh trùng. Ông từng là Giáo sư chủ nhiệm bộ môn Sinh học, Đại học Y khoa, Viện trưởng Viện Sốt rét - Ký sinh trùng, từng đào tạo nhiều cán bộ ngành y cho đất nước. Ông hy sinh tại chiến trường Trị Thiên ngày 01-4-1967 khi đi thực nghiệm chống sốt rét cho quân Giải phóng miền Nam Việt Nam và được truy tặng liệt sỹ, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

1.2.28. Đoạn đường nối đường Trần Thị Tâm đến đường Lê Văn Lương, phường Đông Lương, chiều dài 200m, mặt cắt hiện trạng 10.5m, mặt cắt quy hoạch 10.5m.

Tên đường: Thích Quảng Đức - 28 (số ký hiệu trên bản đồ)

Thích Quảng Đức (1897 - 1963) là nhà sư yêu nước. Ông tên Lâm Văn Tuất, quê ở thôn Hội Khánh, quận Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà; xuất gia năm 7 tuổi, tu với cậu ruột là Hoà thượng Thích Hoàng Tuân, lấy pháp hiệu là Thích Quảng Đức (1912). Ông hành đạo nhiều nơi: miền Nam Trung bộ, Cao Miên; có công đóng góp kiến thiết, tu sửa và điều hành 31 ngôi chùa; tham gia Hội Phật học ở Khánh Hoà (1932), Sài Gòn (1960); năm 1958, làm trụ trì chùa Quan Thế Âm ở Phú Nhuận (Gia Định). Ngày 1-6-1963, tại cuộc biểu tình rầm rộ của Phật tử thành phố Sài Gòn, Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để biểu lộ tinh thần đấu tranh đòi bình đẳng tôn giáo, bảo vệ tự do tín ngưỡng. Trước khi mất, ông gửi thư công khai cho Tổng thống Ngô Đình Diệm để nêu rõ chí bất khuất của mình. Việc tự thiêu của Thích Quảng Đức đã gây nên làn sóng phản nộ trong quần chúng Nam Bắc đương thời làm giảm uy tín của Ngô Đình Diệm. Các tín đồ đã dựng bảo tháp và tạc chân dung ông để kỷ niệm một Hoà thượng dũng cảm hy sinh trong “mùa pháp nạn”. Năm 1971, xây tu viện đặt tên là tu viện Quảng Đức, tôn ông làm Lâm Bồ Tát.

1.2.29. Đoạn đường nối đường Trần Thị Tâm đến đường Lê Văn Lương, phường Đông Lương, chiều dài 200m, mặt cắt hiện trạng 10.5m, mặt cắt quy hoạch 10.5m.

Tên đường: Tô Vĩnh Diện - 29 (số ký hiệu trên bản đồ)

Tô Vĩnh Diện (1924 - 1953) là liệt sĩ - Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Ông người huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; vào bộ đội năm 1949. Để chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ, ông được giao làm tiểu đội trưởng một đơn vị pháo cao xạ. Đường hành quân kéo pháo vô cùng hiểm trở, ông chỉ huy đưa pháo đến điểm tập kết an toàn. Lệnh trên lại kéo pháo ra. Đêm tối, dốc cao, dây kéo pháo đứt, khẩu pháo lao nhanh, anh hô đồng đội: “Thà hy sinh, quyết bảo vệ pháo!” và lấy thân mình lao vào chèn bánh pháo, chặn khẩu pháo không rơi xuống vực.

1.2.30. Đoạn đường nối đường Lê Thế Tiết đến đường Hàn Thuyên, phường Đông Lê, chiều dài 1.500m, mặt cắt hiện trạng 10m, mặt cắt quy hoạch 10m.

Tên đường: Nguyễn Trung Ngạn - 30 (số ký hiệu trên bản đồ)

Nguyễn Trung Ngạn (1289 - 1370) tự Giới Hiên, người làng Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi (nay là Hưng Yên). Ông có trí thông minh từ nhỏ; 15 tuổi đỗ Hoàng Giáp cùng khoa với Mạc Đĩnh Chi. Ông là người có tài tổ chức kinh tế, giỏi sử, văn, từng làm quan ở Ngự sử đài, An phủ sứ Thanh Hóa, Nghệ An. Năm 1341 làm Kinh sư Đại doãn, cai quản thành Thăng Long, cùng Trương Hán Siêu soạn bộ *Luật Hình* và *Hoàng Triều đại điển*, tác giả tập thơ *Giới Hiên*. Về già, ông được triều Trần phong là Thần Quốc công.

1.2.31. Đoạn đường nối đường Lý Thường Kiệt đến đường Nguyễn Cơ Thạch, phường Đông Lê, chiều dài 230m, mặt cắt hiện trạng 8m, mặt cắt quy hoạch 8m.

Tên đường: Trần Xuân Soạn - 31 (số ký hiệu trên bản đồ)

Trần Xuân Soạn (1849 - 1923) người làng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn, nay thuộc thành phố Thanh Hóa - là quan triều Nguyễn thuộc phái chủ chiến chống Pháp. Trần Xuân soạn làm quan từ Phó Lãnh binh rồi lên Đề đốc Bắc Ninh rồi thăng Phó Đề đốc Kinh thành. Khi vua Hàm Nghi lên ngôi, ông được điều về Huế để cùng phái chủ chiến do Tôn Thất Thuyết lãnh đạo để trấn giữ kinh thành. Sau sự biến Kinh thành Huế 5-7-1885, Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi chạy thoát đến sơn phòng Tân Sở ở Quảng Trị và hạ Dụ Cần Vương, cùng Phạm Bành và tướng Đinh Công Tráng xây dựng cứ điểm Ba Đình (Thanh Hóa) để tiếp tục kháng chiến. Sau đó, ông sang Long Châu (thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc) gặp Tôn Thất Thuyết để bàn chuyện tổ chức lại lực lượng, nhưng rồi bị mắc kẹt luôn ở bên đó cho đến khi mất (1923).

1.2.32. Đoạn đường nối đường Thanh Niên đến đường Trần Nguyên Hãn, phường Đông Giang, chiều dài 450m, mặt cắt hiện trạng 15,5, mặt cắt quy hoạch 15,5m.

Tên đường: Vạn Xuân - 32 (số ký hiệu trên bản đồ)

Vạn Xuân là quốc hiệu của Việt Nam trong một thời kỳ độc lập dưới thời nhà Tiền Lý và Triệu Việt Vương từ năm 544 đến năm 602. Tháng 2 năm 544, sau khi

đánh bại quân nhà Lương, Lý Bí xưng là Hoàng đế và đặt tên nước là Vạn Xuân, đóng đô ở Ô Diên thành, tại Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Hà Nội.

1.2.33. Đoạn đường nối đường Thanh Niên đến đường QH vùng trồng hoa chậu tập trung, thuộc khu dân cư đường Thanh Niên, phường Đông Giang, chiều dài 340m, mặt cắt hiện trạng 15,5, mặt cắt quy hoạch 15,5m.

Tên đường: Nam Bộ - 33 (số ký hiệu trên bản đồ)

Nam Bộ là tên của một bộ phận đất đai phía Nam (kể từ Đồng Nai trở vào), một trong 3 vùng lãnh thổ của nước Việt Nam (gồm Nam Bộ, Trung Bộ và Bắc Bộ). Phần lớn địa hình Nam Bộ là đồng bằng phù sa thuộc hệ thống sông Đồng Nai và sông Cửu Long hay còn được gọi tắt là miền Đông và miền Tây. Từ thế kỷ 17, Nam Bộ là phần lãnh thổ mới nhất của Việt Nam trong quá trình Nam tiến và từng được gọi là Gia Định rồi Nam Kỳ (1832 - 1945). Sau Cách mạng tháng 8-1945 đổi làm Nam Bộ. Thời chính quyền VNCH gọi là Nam Phần. Nay là các tỉnh Long An, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cần Thơ, Cà Mau, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu...

1.2.34. Đoạn đường nối đường Thanh Niên đến đường QH vùng trồng hoa chậu tập trung, thuộc khu dân cư đường Thanh Niên (giai đoạn 3), phường Đông Giang, chiều dài 220m, mặt cắt hiện trạng 13, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Nguyễn Hữu Ba - 34 (số ký hiệu trên bản đồ)

Nguyễn Hữu Ba (1914 - 1997) là nhạc sĩ nổi tiếng. Ông quê ở Đạo Đầu, Triệu Trung, Triệu Phong, Quảng Trị. Từ những năm 1930, ngoài việc sáng tác trên 20 ca khúc nhạc phim, ông đã bỏ công sức tìm ra phương pháp sử dụng ký âm pháp Tây phương để thay thế cách ký âm theo thang âm ngũ cung nhằm phổ biến truyền bá một cách dễ dàng hiệu quả âm nhạc dân tộc trong quảng đại quần chúng. Năm 1948, ông là thành viên thuộc tổ chức UNESCO. Năm 1949 là nhạc sĩ sáng lập Tỳ Bà Trang với mục đích: “Góp sức xây dựng một nền nhạc viện bằng cách tô bồi nhạc mới, chấn hưng và cải tổ âm nhạc cổ truyền”. Ông đã góp phần rất lớn trong việc bổ sung tư liệu thuyết phục UNESCO công nhận nhã nhạc Cung đình Huế là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

1.2.35. Đoạn đường nối đường Thanh Niên đến đường QH vùng trồng hoa chậu tập trung, thuộc khu dân cư đường Thanh Niên (giai đoạn 2), phường Đông Giang, chiều dài 220m, mặt cắt hiện trạng 13, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Ngô Tất Tố - 35 (số ký hiệu trên bản đồ)

Ngô Tất Tố (1894 - 1954) là nhà báo, nhà văn, người làng Lộc Hà, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội. Ông đỗ đầu xứ nhưng bỏ nho học, đi làm báo, viết văn, dịch thuật. Những tác phẩm nổi tiếng trước Cách mạng như *Tất đền*, *Việc làng*, *Lều chõng*... cùng với nhiều bài báo bình luận xuất sắc ký nhiều bút danh; những sách nghiên cứu phê bình như *Nho giáo*, *Lão Tử*, *Mạc Tử*; dịch thơ văn Hán-Nôm và truyện Trung Quốc, đã đưa ông thành cây bút hiện thực lớn. Ông tham gia Văn hóa cứu quốc,

đi kháng chiến chống Pháp, làm báo cách mạng và mất tháng 4-1954 tại Yên Thế, Bắc Giang.

1.2.36. Đoạn đường nối tuyến 3 khu cơ sở hạ tầng Thanh niên mở rộng đến đường QH thuộc khu cơ sở hạ tầng Thanh niên mở rộng, phường Đông Giang, chiều dài 680m, mặt cắt hiện trạng 13, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Mai Chiếm Cương - 36 (số ký hiệu trên bản đồ)

Mai Chiếm Cương (1924- 1955) quê xã Cam Giang, huyện Cam Lộ (nay thuộc phường Đông Giang, thành phố Đông Hà) - Huyện ủy viên huyện ủy Cam Lộ. Ông từng là hội viên Hội Thanh niên cứu quốc, đội viên đội tự vệ cướp chính quyền huyện rồi đảm nhiệm công tác trong Ban chấp hành thanh niên xã trước và sau Cách mạng Tháng 8. Từ năm 1955, hoạt động cách mạng tại vùng Cam Lộ, sau đó trở thành huyện ủy viên Huyện ủy Cam Lộ. Hoạt động và chỉ đạo phong trào cách mạng trong vùng địch, thường xuyên bị truy lùng nhưng ông và các đồng chí đã tìm mọi cách xây dựng cơ sở theo phương châm bí mật, gọn chắc, lãnh đạo phong trào vũ trang quần chúng cách mạng đấu tranh chống lại chính quyền VNCH. Tháng 8- 1955, khi đi kiểm tra phong trào cơ sở ở xã Cam Thanh, Cam Giang, ông bị địch bắt và tra tấn dã man nhưng vẫn tỏ rõ khi phách anh dũng, giữ bí mật hồ sơ tài liệu và tổ chức cách mạng. Ông hy sinh tháng 8-1955. Năm 1999, ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

1.2.37. Đoạn đường nối tuyến 3 khu cơ sở hạ tầng Thanh niên mở rộng đến đường QH thuộc khu cơ sở hạ tầng Thanh niên mở rộng, phường Đông Giang, chiều dài 600m, mặt cắt hiện trạng 13, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Phạm Huy Thông - 37 (số ký hiệu trên bản đồ)

Phạm Huy Thông (1916 - 1988) là nhà thơ, nhà giáo và là nhà khoa học xã hội Việt Nam. Quê gốc của ông ở làng Đào xá, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; sinh ở Hà Nội. Mới 16 tuổi ông đã nổi tiếng tiên phong của phong trào thơ mới, điển hình là bài *Tiếng địch sông Ô*. Năm 21 tuổi, ông đỗ cử nhân Luật tại Viện Đại học Đông Dương. Năm 26 tuổi, ông lần lượt thi đỗ Tiên sĩ Luật và Thạc sĩ sử địa tại Pháp. Năm 31 tuổi, ông được phong Giáo sư giữ chức Ủy viên hội đồng giáo dục tối cao của Pháp. Năm 1946, tại Paris, ông được chọn giúp việc Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn chính phủ VNDCCH ở hội nghị Fontainebleau. Năm 1949, ông gia nhập Đảng cộng sản Pháp. Năm 1953, ông gia nhập Đảng Lao động Việt Nam. Phạm Huy Thông từng đảm nhiệm cương vị hiệu trưởng Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội (1956 - 1966), Viện trưởng Viện Khảo cổ học (1967 - 1988), Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại biểu Quốc hội khóa II, III.

1.2.38. Đoạn đường nối đường Thanh Niên đến đường QH thuộc khu cơ sở hạ tầng Thanh niên mở rộng, phường Đông Giang, chiều dài 200m, mặt cắt hiện trạng 13, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Vũ Trọng Phụng - 38 (số ký hiệu trên bản đồ)

Vũ Trọng Phụng (1912 - 1939) người làng Hào, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Sống và gắn bó với Hà Nội từ nhỏ. Viết báo, viết văn từ 1930, viết cho nhiều báo: *Nhật Tân*, *Ngọ báo*, *Công dân*, *Hà Nội báo*, *Tiểu thuyết thứ ba*, *Đông Dương tạp chí*, *Tiểu thuyết thứ bảy*... Ông là cây bút hiện thực phê phán nổi tiếng với các phóng sự lột tả trần trụi cuộc sống của các tầng lớp dưới đáy xã hội: *Cam bẫy người* (1933), *Kỹ nghệ lấy Tây* (1934), *Cơm thầy cơm cô* (1936), tiểu thuyết: *Dứt tình* (1934), *Giông tố* (1936), *Số đỏ* (1936), *Vỡ đê* (1936), *Làm đĩ* (1936); 28 tuổi đời, 10 tuổi văn mà để lại một gia tài sáng tác đồ sộ. Ông mất ngày 13-10-1939 tại Ngã Tư Sở.

1.2.39. Đoạn đường nối đường Hoàng Diệu đến đường Quốc lộ 1A thuộc khu cơ sở hạ tầng Thanh niên mở rộng, phường Đông Giang, chiều dài 250m, mặt cắt hiện trạng 13, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Thê Lữ - 39 (số ký hiệu trên bản đồ)

Thê Lữ (1907 - 1989) - Nhà thơ, nhà hoạt động văn hoá. Ông tên thật là Nguyễn Thứ Lễ, quê làng Phù Đổng, huyện Tiên Du (nay là Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Từ 1932, tham gia nhóm Tự lực văn đoàn, viết cho các báo *Ngày nay*, *Phong hoá*, *Tiểu thuyết thứ 7*... với bút danh Lê Ta, Thê Lữ. Từ 1937, hoạt động sân khấu, làm đạo diễn, diễn viên trong các ban kịch Tinh hoa, Thê Lữ, Anh Vũ ở Hà Nội. Tham gia cách mạng tháng 8-1945, kháng chiến chống Pháp ở Việt Bắc, là Ủy viên thường vụ Hội Văn nghệ Việt Nam, chỉ đạo nghệ thuật Đoàn sân khấu Việt Nam; về sau phụ trách đoàn kịch Chiến Thắng của quân đội, chỉ đạo nghệ thuật Đoàn văn công Nhân dân TƯ. Từ 1957, là chủ tịch Hội Nghệ sĩ sân khấu VN. Những năm cuối đời, sống và mất ở TP. Hồ Chí Minh. Tác phẩm: *Máy vắn thơ* (1935), *Máy vắn thơ, tập mới* (1940), *Vàng và máu* (1934), *Bên đường thiên lôi* (1936), *Trại Bò Tùng Linh* (1941)...; viết và dựng nhiều vở kịch thơ, kịch dài, kịch ngắn: *Trần hưng đình*, *Tục luy*, *Người thợ*, *Ông đề Giáp*, *Cụ đạo và sư ông*... Thê Lữ chủ yếu hoạt động sân khấu nhưng rất nổi tiếng về thơ (trước cách mạng) là một trong những người tiên phong và có công đầu đối với Phong trào Thơ Mới.

1.2.40. Đoạn đường nối đường Hoàng Diệu đến đường Trần Khánh Dư thuộc khu cơ sở hạ tầng KP7, phường Đông Thanh, chiều dài 300m, mặt cắt hiện trạng 13, mặt cắt quy hoạch 13m.

Tên đường: Trần Quốc Vượng - 40 (số ký hiệu trên bản đồ)

Trần Quốc Vượng (1934 - 2005) - Nhà Sử học, nhà khảo cổ học, nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam. Ông sinh tại huyện Kinh Môn, Hải Dương nhưng quê quán ở thôn Lê Xá, xã Châu Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Sau khi tốt nghiệp thủ khoa cùng với Phan Huy Lê, Đinh Xuân Lâm năm 1956, ông được giữ lại làm cán bộ giảng dạy tại Khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội), trở thành vị Giáo sư đầu ngành của khoa học lịch sử, Khảo cổ và Văn hóa. Ông đã viết nhiều bài nghiên cứu khoa học (trên 400 bài) đăng trên các tạp chí chuyên môn trong nước (Khảo cổ, Lịch sử, Văn học, Văn hoá Dân gian, Văn hoá Nghệ thuật...) và ngoài nước (Cornell University

Press, North Illinois, Yale University (Mỹ), Tokyo, Kyoto, Osaka University (Nhật), Seoul University (Hàn Quốc), Oxford University Press (Anh)...). Ngoài ra, ông đã viết và được in ấn nhiều sách (trên 40 cuốn) ở cả trong và ngoài nước. Năm 2012, ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt IV về Khoa học - công nghệ với cụm công trình Văn hóa Việt Nam: Truyền thống và Hiện đại gồm 3 tác phẩm: *Văn hóa Việt Nam - Tìm tòi và Suy ngẫm*, *Việt Nam cái nhìn Địa - Văn hóa*, *Trên mảnh đất ngàn năm văn vật*.

2. Đặt tên cầu

2.1. Tổng số cầu cần đặt tên thuộc đề án là 05 cầu bắc qua sông Hiếu nối trung tâm thành phố với các khu vực đô thị mới ở phía bắc. Ngoại trừ cầu Đông Hà là tên gọi đã được hình thành từ năm 1923, các cầu còn lại đều được xây dựng những năm gần đây và chưa có tên chính thức theo quy định.

2.2. Đánh giá hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của các cầu cần đặt tên.

- Cầu dây văng bắc qua sông Hiếu nối Khu đô thị Bắc Sông Hiếu với trung tâm thành phố Đông Hà. Đây là cây cầu thuộc hệ dây văng đầu tiên trên sông Hiếu được xây dựng theo công nghệ tiên tiến, mang tính kỹ thuật và mỹ thuật cao. Kết cấu kỹ thuật của cầu thuộc hệ dây văng, giữa có 1 tháp cao 73m mô phỏng theo hình dáng búp sen. Chiều dài cầu chính 200m, sơ đồ nhịp chính 100+100m. Nhịp chính gồm 1 tháp cao 74m mô phỏng theo hình dáng búp sen và 2 mặt phẳng dây. Khổ cầu 23,7m, gồm mặt đường 4 làn xe cơ giới (15m), dải phân cách giữa, lan can và dải an toàn; lề đi bộ thông thường mỗi bên 3,1m và tại vị trí mở rộng mỗi bên 4,7m. Bề rộng cầu tổng cộng là 23,7m (vị trí thông thường) và 26,9m tại vị trí mở rộng bản mặt cầu để trồng cây xanh. Tải trọng thiết kế HL93.

- Cầu kết hợp công trình đập ngăn mặn trên sông Hiếu có chức năng kiểm soát mặn, ngọt; cấp nước sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; tạo nguồn cấp nước sinh hoạt; kết nối hạ tầng giao thông bộ hai bên bờ sông Hiếu; đảm bảo lưu thông đường thủy; tạo cảnh quan môi trường, chỉnh trang đô thị, phát triển du lịch và tạo điểm nhấn kiến trúc trong quy hoạch tổng thể thành phố Đông Hà. Kết cấu kỹ thuật loại dầm cầu bằng bê tông cốt thép, chiều rộng 11,5m, dài 351,65m; phía dưới là các van lá đóng - xả nước. Cao trình mặt đập 1,7m, cao trình cửa van 1,5m, một bên có hệ thống tời trong tổ hợp đóng van.

- Các cầu còn lại về cơ bản là cầu đảm bảo giao thông trên các trục đường chính qua sông Hiếu. Kết cấu kỹ thuật đều bằng dầm bê tông cốt thép hoặc bê tông cốt thép DUL, Super T. Cầu qua sông Hiếu trên đường tránh Đông Hà nối đường Xuyên Á với các phường phía đông thành phố và đi vào phía nam dài 282,1m, rộng 12m. Cầu bắc qua sông Hiếu trên đường Lê Thánh Tông nối trung tâm thành phố với huyện Cam Lộ dài 193,15m rộng 18m. Cầu Đông Hà bắc qua sông Hiếu nằm trên đường Lê Duẩn (Quốc lộ 1A) dài 171m, rộng 23m.

2.3. Tên được lựa chọn để đặt cho từng cầu chưa có tên chính thức (Tên cũ thuộc dự án, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, độ dài, mặt cắt, vị trí), số ký hiệu bản đồ và trích ngang nội dung tên được sử dụng cho từng cầu (*Kèm theo phụ lục 02*).

2.3.1. Cầu dây văng bắc qua sông Hiếu nối Khu đô thị Bắc Sông Hiếu với trung tâm thành phố Đông Hà, chiều dài 200m, mặt cắt 27,3m, kết cấu kỹ thuật dây văng, giữa có tháp mô phỏng hình búp sen (đưa vào sử dụng năm 2023).

Tên cầu: An lạc- C1 (*số ký hiệu trên bản đồ*)

An lạc: Tổng An Lạc thuộc Đông Hà vào thời các Chúa Nguyễn; Tên An Lạc còn có ý nghĩa về cầu mong sự an lành, an cư lạc nghiệp cho vùng đất (Trang 26, Sách Truyền thống lịch sử, văn hóa Đông Hà với sự phát triển văn hóa đô thị, nhà xuất bản Chính trị Quốc gia theo Quyết định số: 4185/QĐ-NXBCTQG ngày 8 tháng 5 năm 2010).

2.3.2. Cầu -đập ngăn mặn sông Hiếu nối Khu đô thị Bắc Sông Hiếu với trung tâm thành phố Đông Hà, chiều dài 351,65m, mặt cắt 11,50m, kết cấu kỹ thuật bê tông cốt thép gắn với đập ngăn mặn (đưa vào sử dụng năm 2022).

Tên cầu: 28 tháng 4 - C2 (*số ký hiệu trên bản đồ*)

28 tháng 4: Là sự kiện Ngày Giải phóng Đông Hà. Vào 15 giờ ngày 28-4-1972, toàn bộ các cứ điểm và lực lượng quân sự của VNCH ở Đông Hà bị quân giải phóng tiêu diệt hoàn toàn. Đông Hà được hoàn toàn giải phóng, kết thúc gần 20 năm đấu tranh kiên cường, anh dũng và hy sinh của quân và dân Đông Hà - Quảng Trị trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

2.3.3. Cầu bắc qua sông Hiếu trên đường tránh thành phố Đông Hà, chiều dài 282,1m, mặt cắt 12m, kết cấu kỹ thuật bê tông cốt thép DUL Super T (đưa vào sử dụng năm 2020).

Tên cầu: Bạch Đằng - C3 (*số ký hiệu trên bản đồ*)

Bạch Đằng là tên một nhánh thuộc hệ sông Hồng và sông Thái Bình đổ ra cửa Nam Triệu, nơi diễn ra ba lần đánh thắng quân xâm lược phương Bắc trong lịch sử nước ta: Năm 938 Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán, năm 981 Lê Hoàn đánh thắng quân Tống, năm 1288 Trần Hưng Đạo đại phá quân Nguyên. “Bạch Đằng trên sông Hiếu” còn là tên của một chiến công của quân và dân Quảng Trị năm 1968.

2.3.4. Cầu bắc qua sông Hiếu, tên gọi chưa chính thức là Cầu Sông Hiếu, chiều dài 193,15m, mặt cắt 18m, kết cấu kỹ thuật dầm hộp liên tục bằng BTCT DUL (đưa vào sử dụng năm 2018).

Tên cầu: Sông Hiếu - C4 (*số ký hiệu trên bản đồ*)

Sông Hiếu là con sông bắt nguồn từ trên núi rừng Trường Sơn, nơi đồng bào dân tộc ít người: Pa-Kô và Vân Kiều sinh sống, chảy qua vùng đồng bằng, cuối cùng đổ ra biển Đông. Con sông là dòng kết nối Kinh -Thượng một nhà. Là nơi ghi dấu của những đánh trận lịch sử, những chiến công của quân và dân ta trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (Trang 16, Sách Truyền thống lịch sử, văn hóa Đông Hà với sự phát

triển văn hóa đô thị, nhà xuất bản chính trị Quốc gia theo Quyết định số: 4185/QĐ-NXBCTQG ngày 8 tháng 5 năm 2010).

2.3.5. Cầu bắc qua sông Hiếu, tên gọi từ trước đến nay là Cầu Đông Hà, chiều dài 171m, mặt cắt 23m, kết cấu kỹ thuật dầm BTCT (đưa vào sử dụng năm 1994).

Tên cầu: Đông Hà - C5 (số ký hiệu trên bản đồ)

Đông Hà là tên địa danh của một làng rồi thị trấn và nay là tên thành phố - trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Trị. Đông Hà được người Pháp thành lập thị trấn ngày 5-9-1929. Thời VNCH là quận Đông Hà, rồi chi khu quân sự Đông Hà. Sau tháng 8-1972, Đông Hà trở thành thị xã và là trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Trị vừa được giải phóng cho đến khi sát nhập tỉnh Bình Trị Thiên. Ngày 01-07-1989, tỉnh Quảng Trị được tái lập, thị xã Đông Hà được chọn làm thị xã tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Trị và là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và khoa học kỹ thuật của tỉnh. Ngày 11-8-2009, Đông Hà chính thức trở thành thành phố theo Nghị Quyết 33/CP của Chính phủ.

Cầu Đông Hà được người Pháp cho xây dựng đầu tiên vào năm 1923 trên đường Thuộc địa số 1 (Quốc lộ 1 nay), bắc qua sông Hiếu nối làng An Lạc với Tây Trì, dài 154,50m và mang tên này từ đó cho đến nay. Vì thế, mặc dù trong ngân hàng dữ liệu tên của tỉnh chưa có tên Đông Hà nhưng do tính đặc thù của cây cầu lịch sử và trở thành tên gọi gắn bó mật thiết với người dân nên đề nghị giữ tên gọi cũ: CẦU ĐÔNG HÀ.

III. ĐIỀU CHỈNH ĐIỂM ĐẦU, ĐIỂM CUỐI MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG ĐÃ CÓ TÊN

1. Tổng số tuyến đường cần điều chỉnh thuộc đề án: 05 tuyến; trong đó, thuộc Phường 1 có 1 tuyến (Nguyễn Thái Học), Phường 2 có 1 tuyến (Ngô Sĩ Liên), Phường 3 có 1 tuyến (Nguyễn Hữu Thận), Phường 4 có 1 tuyến (Chi Lăng); 01 tuyến thuộc Phường Đông Giang (Trần Hoàn).

2. Lý do điều chỉnh, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và nội dung điều chỉnh các tuyến đường thuộc đề án (*Phụ lục 4*).

2.1. Đường Nguyễn Hữu Thận

Tên tuyến đường này theo NQ 05/2012/NQ-HĐND ngày 13/4/2012 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc đặt tên, đổi tên, điều chỉnh tên đường thành phố Đông Hà tỉnh Quảng Trị có chiều dài 420m. Hiện nay, tuyến đường đã được xây dựng nối dài từ đường Trần Bình Trọng đi qua đường Nguyễn Trung Trực đến đường Nguyễn Trãi với tổng chiều dài là 610m, chiều rộng mặt cắt hiện trạng 13m, chiều rộng mặt cắt quy hoạch 18m.

Kiến nghị điều chỉnh: Điều chỉnh điểm đầu - điểm cuối tuyến đường Nguyễn Hữu Thận: điểm đầu đường Trần Bình Trọng - điểm cuối giao đường Nguyễn Trãi, chiều dài 601m.

2.2. Đường Ngô Sĩ Liên

Tên tuyến đường này theo QĐ 736/QĐ-UB ngày 13/7/1996 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc đặt tên đường thị xã Đông Hà có chiều dài 500m. Hiện nay, tuyến đường đã được xây dựng nối dài từ đường Bùi Thị Xuân đi qua đường Đặng Dung đến đường dọc Kênh N2 của khu dân cư Đặng Dung với tổng chiều dài là 680m, chiều rộng mặt cắt hiện trạng 13m, chiều rộng mặt cắt quy hoạch 15m.

Kiến nghị điều chỉnh: Điều chỉnh điểm đầu - điểm cuối tuyến đường Ngô Sĩ Liên: điểm đầu đường Trần Bình Trọng - điểm cuối giao đường dọc Kênh N2, chiều dài 680m.

2.3. Đường Chi Lăng

Tên tuyến đường này theo NQ 05/2012/NQ-HĐND ngày 13/4/2012 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc đặt tên, đổi tên, điều chỉnh tên đường thành phố Đông Hà tỉnh Quảng Trị có chiều dài 1.200m. Hiện nay, tuyến đường đã được xây dựng nối dài từ đường Quốc Lộ 9 đi qua đường Đông Kinh Nghĩa Thục đến đường Điện Biên Phủ với tổng chiều dài là 2.220m, chiều rộng mặt cắt hiện trạng 10,5m, chiều rộng mặt cắt quy hoạch 10,5m.

Kiến nghị điều chỉnh: Điều chỉnh điểm đầu - điểm cuối tuyến đường Chi Lăng: điểm đầu đường Quốc Lộ 9 - điểm cuối giao đường Điện Biên Phủ, chiều dài 2.220m.

2.4. Đường Nguyễn Thái Học

Tên tuyến đường này theo QĐ 736/QĐ-UB ngày 13/7/1996 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc đặt tên đường thị xã Đông Hà có chiều dài 900m. Hiện nay, tuyến đường đã được xây dựng nối dài từ đường Hàm Nghi đi qua các đường: Thái Phiên, Nguyễn Bình Khiêm, Đặng Thai Mai đến đường Nguyễn Thái Học với tổng chiều dài là 950m, chiều rộng mặt cắt hiện trạng 10,5m, chiều rộng mặt cắt quy hoạch 10,5m.

Kiến nghị điều chỉnh: Điều chỉnh điểm đầu - điểm cuối tuyến đường Nguyễn Thái Học: điểm đầu đường Nguyễn Huệ - điểm cuối giao đường Nguyễn Huệ, chiều dài 950m.

2.5. Đường Trần Hoàn

Tên tuyến đường này được đặt tên theo Quyết định đặt tên số 1834/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị, từ Bắc cầu ván Đông Giang đến Bắc đập tràn Đại Độ; chiều dài 1.200m; chiều rộng mặt đường hiện trạng 8m, chiều rộng mặt cắt đường quy hoạch 15m; thuộc phường Đông Giang. Hiện nay, tuyến đường đã được xây dựng nối dài từ đường tránh phía đông đến đường Thanh Niên với tổng chiều dài là 1.700m, chiều rộng mặt cắt hiện trạng 8m, chiều rộng mặt cắt quy hoạch 15m.

Kiến nghị điều chỉnh: Điều chỉnh điểm đầu - điểm cuối tuyến đường Trần Hoàn: điểm đầu đường tránh phía đông - điểm cuối giao đường Thanh Niên, chiều dài 1.700m.

IV. TỔNG HỢP

1. Đặt tên đường và cầu

- Tổng số đường đã được xây dựng đạt các yêu cầu về quy chuẩn đô thị và đủ điều kiện cần đặt tên thuộc đề án: 40 tuyến. Trong đó:

+ Tên danh nhân lịch sử: 38 mục từ.

+ Tên địa danh, danh từ có ý nghĩa, sự kiện lịch sử, chiến thắng tiêu biểu: 02

(Danh nhân các địa phương khác: 34 - Danh nhân địa phương Quảng Trị: 04)

(Danh nhân cổ, trung đại: 10 - Danh nhân cận đại: 15 - Danh nhân hiện đại: 13)

- Tổng số cầu đã được xây dựng đạt các yêu cầu về quy chuẩn đô thị và đủ điều kiện cần đặt tên thuộc đề án: 05 cầu. Trong đó:

+ Tên địa danh, danh từ có ý nghĩa, sự kiện lịch sử, chiến thắng tiêu biểu: 05

(Tên thuộc Quốc gia: 03 - Tên thuộc địa phương Quảng Trị: 02)

- Tổng số mục từ được chọn để đặt tên đường và cầu thuộc đề án: 45 mục từ. Trong đó:

+ Tên danh nhân lịch sử: 38 mục từ.

+ Tên địa danh, danh từ có ý nghĩa, sự kiện lịch sử, chiến thắng tiêu biểu: 07 mục từ.

(Kèm theo Phụ lục 3a và Phụ lục 3b)

2. Điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối một số tuyến đường đã có tên

- Tổng số đường đã được xây dựng, mở rộng, nối dài đạt các yêu cầu về quy chuẩn đô thị và đủ điều kiện cần điều chỉnh tên thuộc đề án: 05 tuyến. Trong đó:

+ Đường Nguyễn Hữu Thận: Điều chỉnh từ NQ 05/2012/NQ-HĐND ngày 13/4/2012 của HĐND tỉnh Quảng Trị với tổng chiều dài là 610m.

+ Đường Ngô Sĩ Liên: Điều chỉnh từ QĐ 736/QĐ-UB ngày 13/7/1996 của UBND tỉnh Quảng Trị với tổng chiều dài là 680m.

+ Đường Chi Lăng: Điều chỉnh từ NQ 05/2012/NQ-HĐND ngày 13/4/2012 của HĐND tỉnh Quảng Trị với tổng chiều dài là 2.220m.

+ Đường Nguyễn Thái Học: Điều chỉnh từ QĐ 736/QĐ-UB ngày 13/7/1996 của UBND tỉnh Quảng Trị với tổng chiều dài là 950m.

+ Đường Trần Hoàn: Điều chỉnh từ Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị với tổng chiều dài là 1.700m.

(Kèm theo Phụ lục 04)

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông qua và quyết định, UBND thành phố giao các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa thông tin và Thể dục thể thao thành phố phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các phường tuyên truyền, phổ biến việc đặt tên đường, cầu; làm rõ ý nghĩa sự kiện lịch sử, giá trị di tích, danh lam thắng cảnh, công trạng của danh nhân đã được chọn đặt tên đường, tên cầu để mọi người dân, nhất là Nhân dân sinh sống trên các tuyến đường, khu vực có cầu bắc qua được biết.

2. Phòng Quản lý đô thị chủ trì triển khai thực hiện việc gắn biển tên đường sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền thông qua, quyết định và triển khai việc đánh số nhà theo quy định.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí triển khai cắm biển tên đường và đánh số nhà.

(Đính kèm Bản đồ quy hoạch giao thông thành phố, định vị vị trí các tuyến đường, cầu đề xuất đặt tên và vị trí các tuyến đường điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối).

Nơi nhận:

- Sở VH, TT&DL;
- Hội đồng TVĐT,ĐTĐ,P&CTCC tỉnh;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan TP;
- Lưu: VT, VH&TT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Sỹ Trung